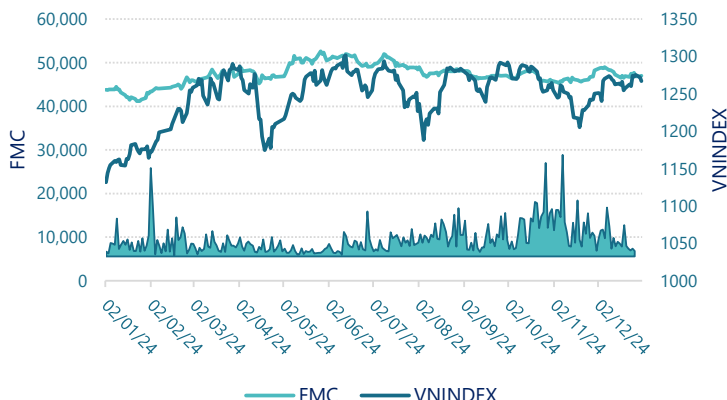




CTCP Thực phẩm Sao Ta (HSX: FMC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	47,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	52,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	41,185
SL cổ phiếu LH	65,388,889
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,060
% sở hữu nước ngoài	31.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,073
P/E	10.1
EPS	4,675

DT thuần

Q4/24

1,364

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,481| -52.1%

YoY: ▲ 111| 8.9%

LN sau thuế

Q4/24

187

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 92.2| 97.5%

YoY: ▲ 98.2| 111%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.4%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2024

6,913

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,826| 35.9%

LN sau thuế

2024

423

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 121| 39.8%

ROE

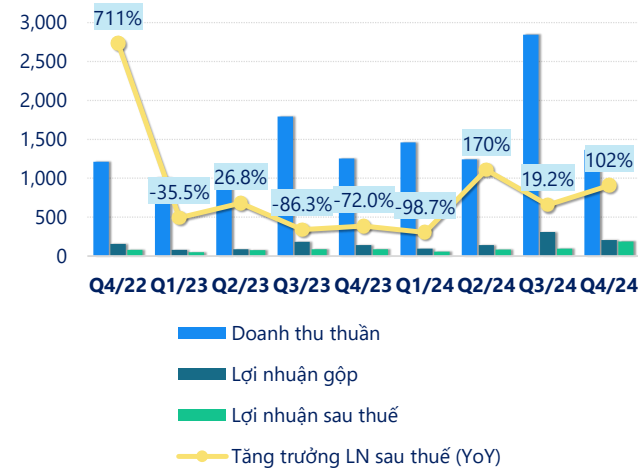
2024

13.0%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

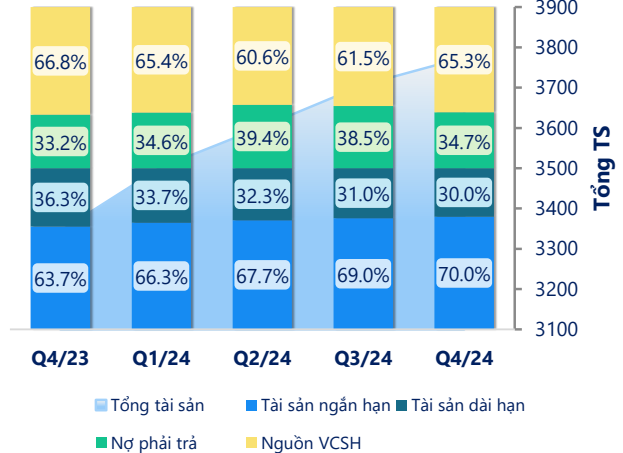
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

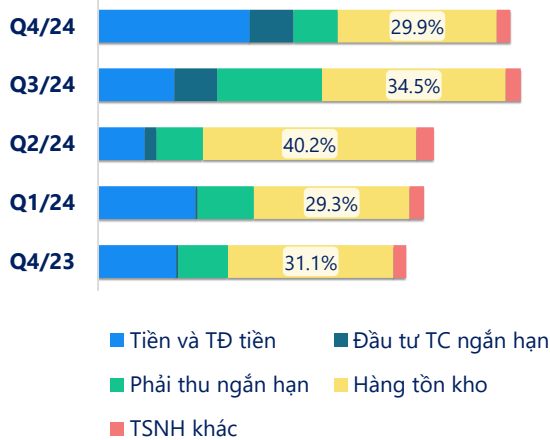
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



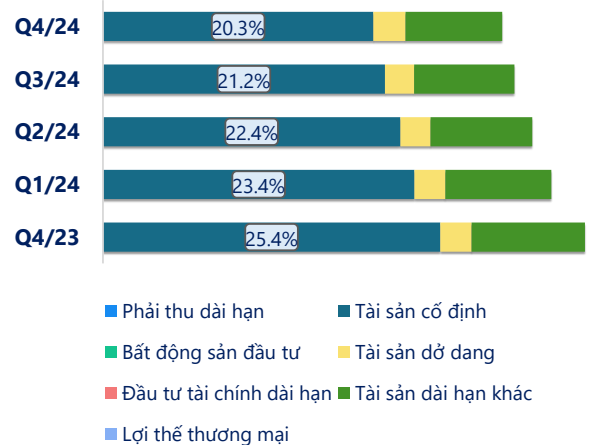
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

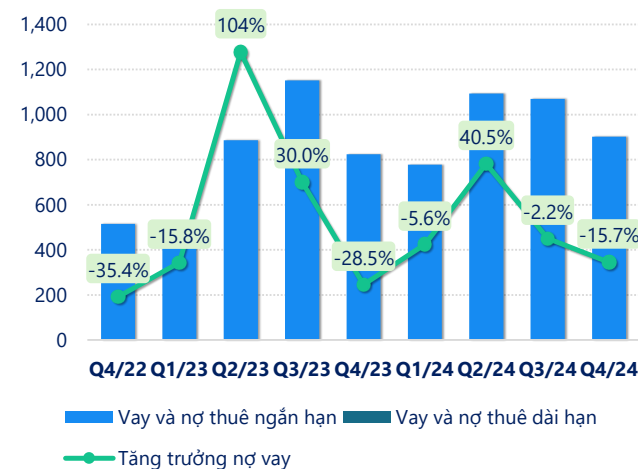
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

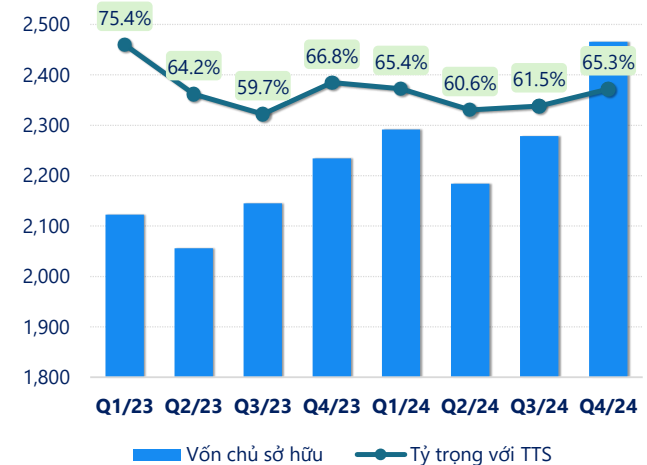
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

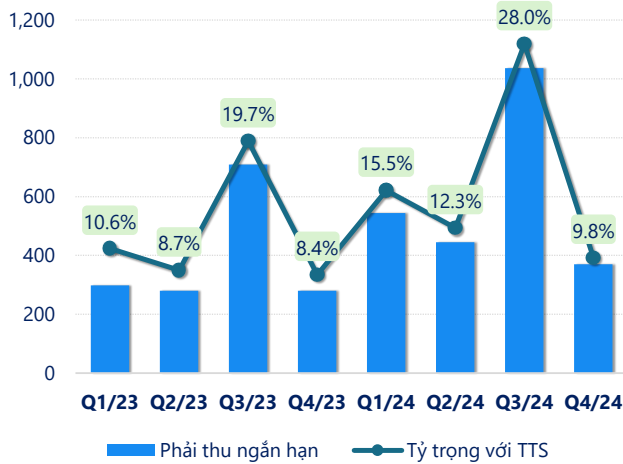
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



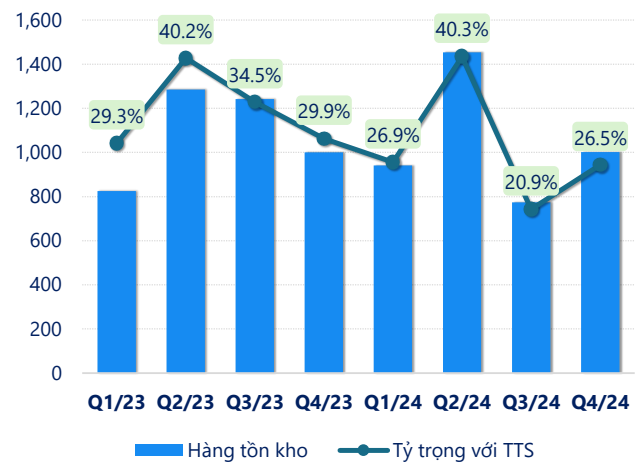
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


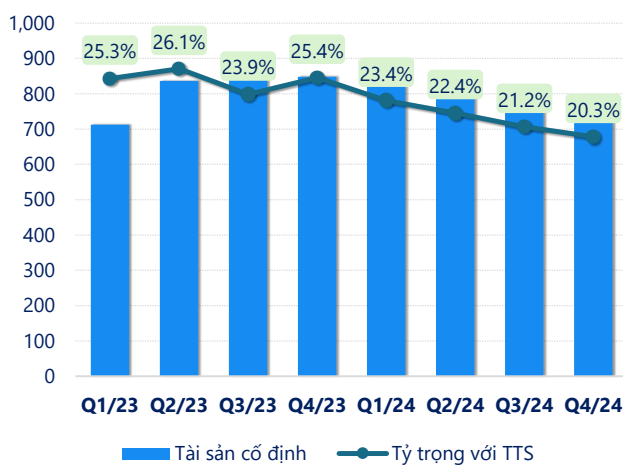
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


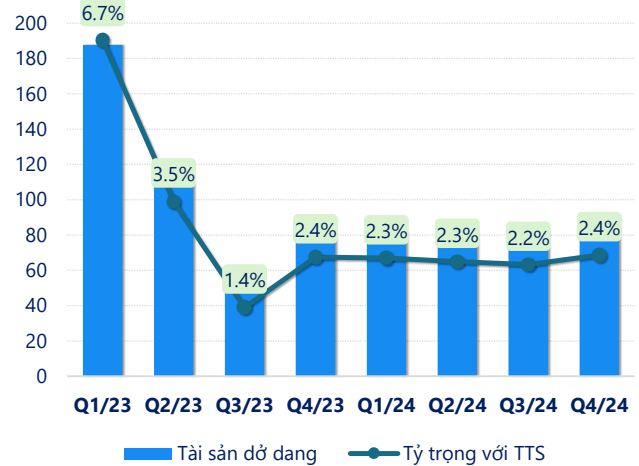
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

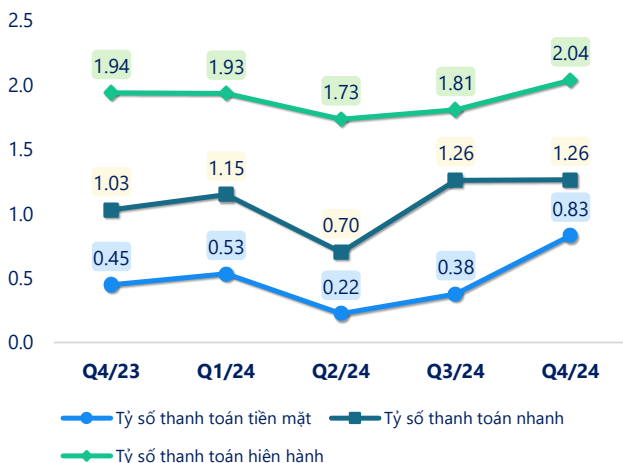
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

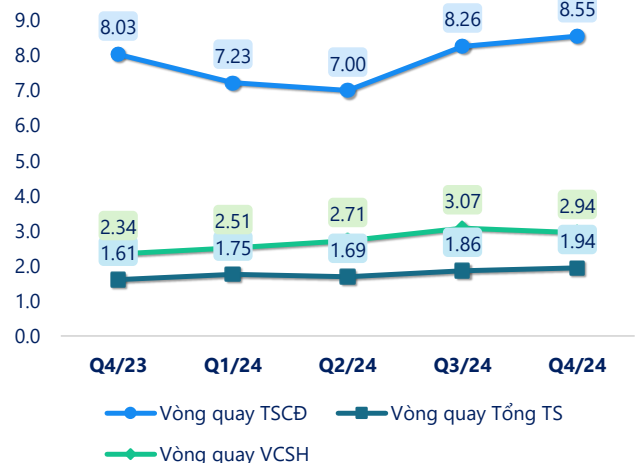
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	3,344	3,503	3,602	3,707	3,775
Tài sản ngắn hạn	2,132	2,322	2,439	2,559	2,641
Tiền và tương đương tiền	492	641	315	533	1,077
Đầu tư tài chính ngắn hạn	274	139	172	154	140
Phải thu ngắn hạn	280	544	444	1,037	370
Hàng tồn kho	1,000	941	1,453	774	1,002
Tài sản ngắn hạn khác	86.4	56.4	54.1	61.2	51.3
Tài sản dài hạn	1,212	1,181	1,164	1,148	1,134
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	848	821	806	786	768
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	78.9	82.0	81.8	82.0	90.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	285	279	276	280	275
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,110	1,212	1,418	1,428	1,309
Nợ ngắn hạn	1,100	1,201	1,407	1,417	1,297
Vay và nợ thuê ngắn hạn	824	778	1,093	1,070	902
Phải trả người bán ngắn hạn	94.4	295	136	103	118
Nợ dài hạn	10.3	10.4	11.6	11.5	11.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,234	2,291	2,184	2,279	2,466
Vốn chủ sở hữu	2,234	2,291	2,184	2,279	2,466
Vốn điều lệ	654	654	654	654	654
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)